

Tư tưởng nhân quyền của Aristotle trong tác phẩm “Chính trị” và ý nghĩa lịch sử

Võ Văn Dũng¹

¹ Trường Đại học Khánh Hòa.
Email: vovandungcdk@gmail.com

Nhận ngày 5 tháng 7 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 8 năm 2019.

Tóm tắt: Nhân quyền, hay quyền con người là những quyền tự nhiên của con người. Tư tưởng về nhân quyền không phải chỉ mới xuất hiện mà từ thời cổ đại, vấn đề về con người và quyền của con người đã được các nhà triết học quan tâm bàn đến. Aristotle là nhà triết học vĩ đại của Hy Lạp. Ông đã để lại cho nhân loại một khối lượng tác phẩm đồ sộ ở nhiều lĩnh vực khác nhau của tri thức. Trong tác phẩm “Chính trị”, lần đầu tiên, ông đã thực hiện sự khảo sát về bản chất công dân và chỉ ra vai trò của nhà nước. Qua đó, Aristotle đã vạch ra những nét cơ bản về quyền con người. Tư tưởng nhân quyền của ông đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Từ khoá: Aristotle, nhân quyền, tư tưởng.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: Human rights are natural rights of people. The thought of these rights is not something recently emerging but was started in ancient times, when philosophers discussed issues on humans and their rights. Aristotle is a great Greek philosopher who left humanity with a huge number of works in many different areas of knowledge. Among them, in the work entitled “Politics”, for the first time, Aristotle surveyed the nature of citizens and pointed out the role of the state. Thereby, the philosopher outlined the basics of human rights. His ideology on the rights remains valid today.

Keywords: Aristotle, human rights, thought.

Subject classification: Philosophy

1. Mở đầu

Xã hội Hy Lạp vào thời kỳ chiếm hữu nô lệ chứa đựng bên trong những mâu thuẫn gay

gắt giữa các lực lượng, các giai cấp, các tầng lớp khác nhau... được biểu hiện ra thành cuộc đấu tranh giữa chủ nô và nô lệ, giữa lực lượng dân chủ và chống dân chủ,

giữa những người Hy Lạp bản địa và dân nhập cư... và ngay trong nội bộ của những giai cấp, tầng lớp cũng nảy sinh những mâu thuẫn. Nếu như phái dân chủ chủ trương đập tan chế độ chuyên chế và độc đoán của tầng lớp quý tộc, giải phóng khỏi sự nô dịch của giới quý tộc cũ, thì giới quý tộc lại muốn duy trì trật tự cũ và bằng mọi cách bảo toàn đặc quyền, đặc lợi của mình. Dù quan điểm của giới quý tộc và giới dân chủ khác biệt nhau đến đâu đi chăng nữa, thì họ vẫn có quan điểm chung về nhiều vấn đề. Đối với họ, sự thừa nhận sở hữu cá nhân là không thay đổi, chế độ nô lệ được coi là tự nhiên phải có; về cơ bản, việc loại trừ nô lệ ra khỏi thành phần công dân là vấn đề không cần bàn cãi; bất công xã hội là hiện tượng tất yếu và tự nhiên. Nhà nước là thiết chế của con người tự do và chỉ dành cho người tự do. Vấn đề về con người cùng với những khát vọng của họ đã đặt ra cho các nhà tư tưởng cần phải vạch ra một thiết chế xã hội dành cho con người và quan tâm đến quyền con người.

Aristotle sinh ra trong một xã hội có sự chuyển biến về chính trị sâu sắc. Trong đó, các nhà nước thành bang nhỏ bé rơi vào các cuộc khủng hoảng triền miên và cuối cùng bị thôn tính bởi đế chế Macedonia. Bản thân Aristotle là người có mối liên hệ khá chặt chẽ với vương triều Macedonia; tuy nhiên ông cũng chẳng hề có chút quyền lực nào vì hầu hết cuộc đời ông sống như một cư dân “ngoại lai” của thành Macedonia. Có lẽ vì thế, ông luôn cho rằng, cuộc sống tốt đẹp nhất của con người là cuộc sống của một công dân có quyền tham gia vào đời sống chính trị. Chính điều này đã đặt những viên gạch đầu tiên cho tư tưởng về quyền con người của ông.

Tất cả những bối cảnh của thời đại đã in đậm dấu ấn trong các tác phẩm của Aristotle. Trong điều kiện khủng hoảng của nền dân chủ chủ nô, sự gia tăng những căng thẳng và xung đột xã hội, sự mất phương hướng của con người trong đời sống tinh thần đã gợi mở những giải pháp vượt qua hiện trạng để vươn đến những giá trị tốt đẹp của cuộc sống. “Chính trị” được xem là kinh điển của khoa chính trị học tại phương Tây cho đến ngày nay. Ra đời trong hoàn cảnh trên, tác phẩm “Chính trị” đã phản ánh xã hội Hy Lạp vào thời kỳ khủng hoảng của nền dân chủ chủ nô, cuộc đấu tranh của các lực lượng xã hội xung quanh vấn đề quyền lực và thể chế chính trị, vấn đề dựng xây mô hình nhà nước lý tưởng thay cho nhà nước hiện tồn để mang lại những điều tốt cho con người, vì con người và của con người. Bài viết này phân tích tư tưởng nhân quyền của Aristotle trong tác phẩm “Chính trị” và ý nghĩa lịch sử của nó.

2. Tư tưởng nhân quyền của Aristotle trong tác phẩm “Chính trị”

Sống trong một thời đại có quá nhiều biến động lớn lao trong đời sống chính trị, Aristotle thấu hiểu tâm trạng và khát vọng của con người. Từ đó, ông đã đưa ra nhiều luận điểm sâu sắc về nhân quyền với mục đích xây dựng một nền chính trị mang lại “điều tốt nhất” cho con người. Tư tưởng nhân quyền trong tác phẩm “Chính trị” của Aristotle được thể hiện ở những nội dung sau đây.

Một là, quyền công dân được thể hiện rõ trong vai trò của Nhà nước. Aristotle mở

đầu tác phẩm “Chính trị” bằng lập luận rằng: “Mỗi quốc gia là một loại cộng đồng, và mỗi cộng đồng được thành lập hướng đến với một số điều tốt đẹp; vì con người luôn luôn hành động để đạt được những gì mà họ cho là tốt. Tuy nhiên, nếu tất cả các cộng đồng đều hướng đến một số mục tiêu tốt đẹp nào đó thì nhà nước hoặc cao nhất là cộng đồng chính trị, là bộ phận cao nhất, và bao gồm tất cả phần còn lại, hướng đến điều tốt đẹp ở mức độ cao hơn và nhắm đến mức độ cao nhất” [7, tr.7] và lý do để nhà nước tồn tại là để giúp cho công dân sống một đời sống “tốt”. Chính những lập luận đầu tiên về mục đích tối cao của việc hình thành và duy trì sự tồn tại của nhà nước là mang lại cuộc sống tốt cho con người đã đưa Aristotle chỉ ra quyền lợi của công dân khi sống trong một thành bang. Nhà nước là hình thức hoàn thiện nhất của cuộc sống, giúp con người thực hiện được những nhu cầu sống của mình. Như vậy, ở đây đã có sự tương tác giữa công dân với nhà nước hay nói cách khác là giữa con người chính trị và thể chế chính trị trong quan điểm của Aristotle. Một mặt, con người cần đến nhà nước như là phương tiện để đạt đến cuộc sống cao đẹp với đầy đủ những quyền công dân của mình; nhưng mặt khác, chính những ước vọng trên sẽ duy trì sự tồn tại của nhà nước đó.

Theo Aristotle, con người khác với tất cả các loài động vật khác: “Con người tự bản chất là một động vật chính trị” [7, tr.5] mang đặc trưng chính trị hơn là đặc trưng quần thể xã hội: các hoạt động hiệp tác xã hội của con người đòi hỏi phải có tổ chức chính trị. Con người với khả năng lập luận hợp lý của mình đã tự nhận thấy rằng, khi sống trong cộng đồng con người có thể thực hiện được lợi ích của mình thông qua hành

động tập thể. Nhờ hành động hợp tác con người có thể đạt được nhiều lợi ích mà nếu chỉ là hành động với tư cách là cá nhân anh ta không thể nào có được. Và đỉnh cao nhất của hoạt động tập thể của con người trong cộng đồng đó chính là nhà nước. Nhà nước là một hình thức hoàn hảo của cộng đồng người. Chỉ có trong một cộng đồng chính trị, con người mới có đủ điều kiện để phát triển cái bản chất cố hữu của mình: khả năng lập luận hợp lý và hành động có hợp tác - cái mà tất cả các động vật phi chính trị khác không có. “Những ai không sống được trong xã hội, hoặc những ai không có nhu cầu bởi vì anh ta tự cho mình là đầy đủ rồi thì anh ta chắc chắn phải là một con thú hay một vị thần: anh ta không phải là một phần của một nhà nước” [7, tr.6]. Với định nghĩa của mình thì Aristotle nhấn mạnh sự cần thiết tham gia của cá nhân vào đời sống công cộng của nhà nước - thị thành. Qua đó, lợi ích của công dân luôn gắn chặt với lợi ích của cộng đồng. Công dân chỉ có thể thực hiện những quyền của mình khi anh ta tồn tại trong một cộng đồng người nhất định. Đối với Aristotle, quyền của công dân được thể hiện trong những lợi ích mà nhà nước - một cộng đồng hoàn hảo nhất mang lại cho họ.

Vì cho rằng bản năng tự nhiên của con người là sống quần tụ với nhau để được đời sống tốt đẹp hơn lúc sống đơn lẻ, “con người về bản chất là một động vật chính trị. Và do đó, con người, ngay cả khi họ không đạt được sự giúp đỡ của nhau, thì vẫn mong muốn sống chung với nhau, chứ không phải sở thích chung mang họ lại với nhau khi họ đạt được bất kỳ biện pháp nào để tồn tại tốt” [7, tr.59] nên Aristotle khẳng định mục đích tối hậu của quốc gia là hướng tới một

đời sống tốt và các môi dây ràng buộc xã hội chỉ là phương tiện để đạt tới mục đích này mà thôi. Do đó, những ai qua tài năng và hành động của mình, cống hiến nhiều cho quốc gia, thì sẽ được hưởng nhiều vinh dự hơn. Chế độ nào đạt được mục đích này là chế độ đúng đắn; ngược lại, chế độ nào chỉ phục vụ cho quyền lợi của giới cầm quyền là chế độ bất công, vì quốc gia là sự kết hợp của những con người tự do và bình đẳng. “Chính phủ có liên quan đến lợi ích chung là được thành lập phù hợp với nguyên tắc nghiêm ngặt của công lý, và do đó là các hình thức thật; nhưng những chính phủ chỉ quan tâm đến sở thích của các nhà lãnh đạo là những dạng chính phủ khiếm khuyết và biến thái, bởi vì các chính phủ đó là chuyên chế, trong khi đó nhà nước là một cộng đồng của những người tự do” [7, tr.60]. Như vậy, Aristotle đã lấy tiêu chuẩn để xác định các hình thức nhà nước kiểu mẫu là khả năng phụng sự lợi ích chung. Thể chế nhà nước nào lấy lợi ích xã hội làm cứu cánh, thì được liệt vào hình thức kiểu mẫu; ngược lại, thể chế nhà nước nào tuyệt đối hóa quyền lực của cá nhân hay của một nhóm thiểu số thì bị quy về hình thức lệch lạc.

Hai là, quyền được giáo dục. Aristotle đã chỉ ra vai trò của nhà nước là đào tạo các công dân về mặt đức hạnh. Nhiệm vụ chính của nó là giáo dục công dân đi đến hoạt động một cách ngay thẳng, dạy cho họ nhằm tới một mục tiêu cao thượng của cuộc sống và vững bước trong cuộc sống đó. Người công dân sẽ là người can đảm, điềm tĩnh, tự do, cao thượng, thực hiện công bằng, cư xử như những người bạn hoàn hảo, tóm lại là những con người “đẹp và tốt”. Việc giáo dục công dân trở thành

những người dân đạo đức là điều hết sức quan trọng. Khi một đất nước có được những công dân vừa học thức lại vừa đức hạnh thì dĩ nhiên đất nước đó phải trở nên tốt đẹp hơn. Đây cũng là quyền rất cơ bản của công dân trong tư tưởng của ông. Theo Aristotle, để đào tạo người công dân trở thành những con người “đẹp và tốt” thì phải có sự kết hợp giữa luật pháp và giáo dục.

Thật vậy, trong “Chính trị” Aristotle đã thể hiện quan điểm đề cao vai trò của pháp luật trong việc quản lý xã hội và giáo hóa con người khi cho rằng khi tách rời khỏi luật pháp và công lý, thì con người là động vật tồi tệ nhất; “bởi vì con người, khi đã hoàn thiện, là động vật cao nhất, nhưng khi tách rời khỏi luật pháp và công lý, thì con người là động vật tồi tệ nhất, bởi vì sự bất công được trang bị kỹ là nguy hiểm hơn, và con người từ khi sinh ra đã có đôi tay nghĩa là có sự thông minh và đạo đức, những điều này có thể được con người sử dụng cho những mục đích tồi. Vậy nên, nếu con người không có đức hạnh, thì con người là động vật xấu xa và man rợ nhất, tham lam và ham muốn nhiều. Tuy nhiên, công lý là dây buộc của con người trong các nhà nước, vì quản lý sự công bằng, quyết định công bằng là gì, đó là nguyên tắc thiết lập trật tự trong xã hội chính trị” [7, tr.6].

Bên cạnh đó, Aristotle còn dành sự quan tâm đặc biệt đến giáo dục, được thể hiện trong Quyển VIII. Theo ông, giáo dục là nhiệm vụ của quốc gia, các nhà lập pháp nên hướng sự chú ý của mình vào việc giáo dục thanh niên và nhà nước phải xây dựng một hệ thống giáo dục đồng nhất cho mọi công dân. Aristotle xem giáo dục có liên quan với trí tuệ hay với đạo đức đức hạnh. Ông đề nghị bốn môn học cho

chương trình giáo dục: đọc viết, thể dục, âm nhạc, và hội họa. Trong số đó, đọc viết và hội họa được coi là hữu ích cho những mục đích của cuộc sống; các bài tập thể dục được cho là để truyền tải lòng can đảm [7, tr.182]. Âm nhạc là một môn học quan trọng, không phải chỉ là môn học để giải trí, mà là môn học để sử dụng thì giờ nhàn rỗi một cách đúng đắn. Hơn thế nữa, bản chất của âm nhạc là sự hòa hợp âm thanh, và do đó sẽ khiến cho tâm hồn dễ đạt được sự cân bằng giữa tình cảm và lý trí.

Aristotle cho rằng trẻ em cần được dạy những điều hữu ích và thực sự cần thiết. Việc giáo dục cần được quan tâm đặc biệt để trẻ em phát triển về thể chất cũng như đức tính: không nên để trẻ nhỏ từ 5 đến 7 tuổi ở gần dân nô lệ và tuyệt đối cấm không cho nghe những lời tục tĩu hoặc những hình ảnh dâm ô. Điều này quan trọng đến nỗi nhà nước phải ra luật cấm trên toàn quốc. Ông qui định cái phải làm từ lúc sơ sinh, những bài tập luyện mà người ta phải hay không phải bắt trẻ làm cho đến 7 tuổi. Sau 7 tuổi, giáo dục trẻ em nên chia làm hai giai đoạn: từ 7 tuổi đến dậy thì và từ dậy thì tới 21 tuổi. Đồng thời, Aristotle cũng đề nghị là dạy cho trẻ em phát triển thể chất trước khi phát triển tinh thần; cho nên, trẻ em nên được học các bài tập thể dục trước, vì huấn luyện thể chất sẽ giúp trẻ em phát triển các tập quán tốt như kỷ luật tự giác; rồi đến âm nhạc; sau cùng mới đến các môn học về tri thức. Không nên xem việc học nhằm đạt được mục đích cá nhân, mà nhằm vươn đến tinh thần tự do và năng lực tự lựa chọn. Ngoài ra, Aristotle đánh giá cao phương pháp đối thoại, tính tự nguyện trong giáo dục, nhằm hình thành nhân cách của con người tự chủ và linh hoạt.

Chính phủ cũng phải kiểm soát nền giáo dục. Muốn chính thể được lâu dài, nền giáo dục phải thích hợp. Những kẻ xuất chúng phải được huấn luyện để trở thành những nhà cai trị. Toàn dân phải được huấn luyện để biết tuân theo pháp luật. Nền giáo dục còn có tác dụng thống nhất quốc gia, vượt lên trên những vấn đề chia rẽ địa phương.

Nếu người thầy của ông là Plato chỉ chú trọng đến việc giáo dục các chiến binh và nhà cai trị tương lai thì ông đã xác định đối tượng của giáo dục một cách rộng rãi. Những người tài giỏi cần phải giáo dục để trở thành nhà cai trị, còn dân chúng cần phải được giáo dục để sống và hành động tuân thủ pháp luật. Như vậy, quyền được giáo dục để phát triển một cách toàn diện cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ đã được Aristotle quan tâm ngay từ thời cổ đại.

Ba là, quyền được tham gia vào chính sự. Aristotle đã tiến một bước cao hơn trong tư tưởng về quyền con người khi cho rằng, đối với các thành viên của thành bang, nếu họ là những công dân thực sự thì phải tham gia vào những cơ hội mà chúng tạo ra. “Người có khả năng tham gia vào các thảo luận hoặc quản lý tư pháp của bất kỳ quốc gia nào được cho nhờ chúng ta mới trở thành công dân của nhà nước đó; và nói chung, nhà nước là một thực thể của công dân đủ cho các mục đích của cuộc sống” [7, tr.53]. Aristotle cho rằng tư cách công dân của một người không được tạo nên chỉ vì người đó sinh ra và cư trú trên một đất nước nào đó. Công dân trong chế độ Dân chủ thì khác với công dân trong chế độ Quân chủ. Tư cách công dân chỉ cần có một tiêu chuẩn để xác định: công dân là người có quyền

tham gia chính sự và giữ những chức vụ trong chính quyền, “có nhiều loại công dân khác nhau, và người là một công dân trong ý nghĩa cao nhất là người có danh dự trong nhà nước” [7, tr.59]. Với việc khẳng định mọi công dân có đạo đức đều có quyền cai trị, tức là được phép tham gia vào những công việc của thành bang, Aristotle đã trở thành người đầu tiên đưa ra những tư tưởng về quyền con người một cách cơ bản nhất mà cho đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Tư tưởng nhân quyền trong thời đại văn minh được bắt đầu từ những nền móng đầu tiên mà Aristotle đã vạch ra cách đây khoảng 2.500 năm.

Trong nhà nước lý tưởng, Aristotle đã chỉ ra “đời sống tốt đẹp nhất cho quốc gia và cá nhân là đời sống đức hạnh được trang bị bởi những cái tốt vật chất ngoại tại, và thể chất, những điều kiện cần thiết để cho con người có thể tham dự vào các hoạt động đem lại sự tốt lành cho quốc gia”. Đó chính là điều cốt lõi trong tư tưởng về quyền con người của ông.

Bốn là, quyền công dân gắn liền với nghĩa vụ công dân. Người công dân trong quan điểm của Aristotle không chỉ có những quyền nhất định mà còn phải có nghĩa vụ đối với thành bang. Ông đã gắn chặt quyền và nghĩa vụ với nhau khi nói về bản chất công dân. Ông đưa ra hình ảnh so sánh, những người thủy thủ trên một con tàu giữ cho con tàu được an toàn, đi được tới mục tiêu đã định. Công dân cũng vậy, mục đích tối hậu là giữ cho sự an toàn của chế độ và đó là “đức hạnh” chung của mọi công dân. Aristotle nói “sự cứu giúp cộng đồng là công việc chung của tất cả bọn họ. Cộng đồng này là hiến pháp, do đó đạo đức

của công dân phải có liên quan đến hiến pháp mà ông ta là một thành viên trong đó” [7, tr.55]. Công dân, dù giữ chức vụ lãnh đạo hay chỉ là dân thường, cũng cần phải có kiến thức và khả năng để biết lãnh đạo cũng như biết tuân phục. “Một công dân tốt phải có khả năng của cả hai (cai trị và tuân thủ), ông nên biết làm thế nào để cai trị như một người tự do, và làm thế nào để tuân thủ như một người tự do - đây là những đạo đức của một người công dân” [7, tr.57]. Riêng đối với nhà lãnh đạo, Aristotle còn đòi hỏi phải có thêm một đức tính ngoài những đức tính mà mọi công dân đều có: “Những ai chưa bao giờ học cách tuân lời thì không thể trở thành một chỉ huy tốt được” [7, tr.57] và “Người cai trị tốt là một người tốt và khôn ngoan, và rằng ai là một nhà chính trị thì sẽ phải là một người khôn ngoan. Sự khôn ngoan là đặc tính của người cai trị” [7, tr.56]. Ông cho rằng, việc công dân thực hành đức hạnh chính là việc thực hiện nghĩa vụ của mình đối với nhà nước. Sở dĩ ông luôn đề cao đức hạnh của công dân và đạo đức của người cai trị là vì theo ông đạo đức và chính trị không tách rời nhau, xem đạo đức là cơ sở để tìm hiểu chính trị. Nghệ thuật chính trị được xây dựng trên cơ sở hiểu biết về con người, về đức hạnh công dân và đức hạnh nói chung. Khái niệm công dân hẹp hơn khái niệm con người, vì vậy phẩm chất của một công dân tốt thuộc về tất cả mọi người, nhưng phẩm chất của người tốt chưa hẳn thuộc về tất cả công dân. Vì thế nhà chính trị phải vừa là một công dân, vừa là một con người, vừa có đức hạnh công dân, vừa có đức hạnh con người nói chung. Tóm lại, nhà chính trị phải là một nhân cách cao thượng.

Trong nhà nước lý tưởng, Aristotle đã chỉ ra công dân là những người tự do có cùng gốc gác ưu tú mới là thành phần được tham gia vào chính sự. Thành phần lao động bình dân, vì không có thì giờ nhàn rỗi để học hành thành người có đức hạnh nên không thể tham gia chính sự. Tuy nhiên, thành phần này cũng là công dân và trên nguyên tắc phải được tham gia chính sự. Đây là một vấn nạn cho mô hình nhà nước lý tưởng của Aristotle cho nên ông chủ trương rằng: thành phần lao động sẽ gồm những nô lệ. Như vậy, mô hình nhà nước lý tưởng của Aristotle sẽ gồm hai thành phần: công dân thuộc giai cấp ưu tú quý tộc và lao động là nô lệ. Những công dân trẻ tuổi lo việc quốc phòng, trung niên lo việc cai trị và lão niên lo việc tế tự. Theo cách sắp xếp này, công dân sẽ tuân tự theo lứa tuổi của mình mà phục vụ quốc gia.

Như vậy, Aristotle đã dành cho người công dân những quyền hết sức cơ bản và cao quý; nhưng đồng thời, ông cũng đặt ra những tiêu chuẩn mà công dân cần phải có và những nhiệm vụ mà công dân phải thực hiện. Quyền lợi phải luôn đi đôi với nghĩa vụ. Những tư tưởng mà ông đã đặt ra về quyền con người được xem như là những bước đi đầu tiên của loài người trong việc thực hiện nhân quyền. Đó là một trong những đóng góp lớn lao mà ông đã để lại cho hậu thế trong lĩnh vực tư tưởng.

3. Ý nghĩa lịch sử tư tưởng nhân quyền của Aristotle trong tác phẩm “Chính trị”

Hai mươi lăm thế kỷ trôi qua, những giá trị về quyền con người mà Aristotle để lại vẫn

còn nguyên ý nghĩa thời sự đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Theo Aristotle, mục đích của nhà nước là phục vụ lợi ích chung. Nguyên tắc trung dung được ông vận dụng trong đạo đức lẫn chính trị, tạo nên hệ chuẩn mực cần thiết để hướng tới các lợi ích phù hợp với điều kiện của thị quốc. Trong khi đó hiện nay, Đảng Cộng sản Việt Nam coi việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước của dân, do dân, vì dân; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhà nước phải phục vụ nhân dân, đảm bảo quyền, lợi ích chính đáng của mọi người dân và chăm lo phát triển mọi mặt của đời sống xã hội. Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Vì vậy, “Tất cả đường lối, phương châm, chính sách... của Đảng đều chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân...” [1, tr.330]. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức đoàn thể dưới sự lãnh đạo của Đảng cũng chỉ có một mục tiêu là phục vụ lợi ích của nhân dân. Chủ nghĩa xã hội là mục tiêu phấn đấu của cách mạng nước ta, cũng là nhằm mang lại ấm no, hạnh phúc và quyền làm chủ thực sự của nhân dân. Đó chính là sự vận dụng tư tưởng mục đích nhà nước là phục vụ lợi ích chung của Aristotle.

Đảng ta khẳng định, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Vì vậy, quản lý đất nước không phải chỉ là việc riêng của cơ quan nhà nước mà là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Mọi nhiệm vụ quản lý của các cơ quan nhà nước trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, hành chính, văn hóa, giáo dục, y tế, an ninh, trật tự... đều cần có sự tham gia trực tiếp của nhân dân theo

phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. Thực hiện tốt phương châm này là nhằm phát huy vai trò của nhân dân lao động tham gia quản lý mọi hoạt động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Điều này không khác mấy so với tư tưởng công dân là người có quyền tham gia vào chính sự, vào những công việc của thành bang của Aristotle.

Dưới cái nhìn của Aristotle, mọi công dân có đạo đức đều có quyền cai trị. Nhiệm vụ của công dân là phải đảm bảo cho sự an toàn của chế độ. Quan niệm về đức hạnh công dân của ông cho đến nay vẫn còn được áp dụng trong việc giáo dục và đào tạo con người. Con người với tư cách thành viên của xã hội đều cần phải có ý thức về bản thân và trách nhiệm đối với xã hội. Bất kỳ chế độ nào cũng yêu cầu công dân của mình có đầy đủ những phẩm chất mà Aristotle đã nêu ra từ thời kỳ cổ đại.

Mối quan hệ giữa nhà nước và công dân là mối quan hệ chủ đạo trong xã hội, vừa thể hiện vai trò của một nhà nước là phục vụ, vừa thể hiện trách nhiệm của công dân trước nhà nước và xã hội. Con người chỉ có thể tồn tại với tư cách là “động vật chính trị”, là thành viên của xã hội và tham gia vào các hoạt động xã hội. Thật đúng với những điều mà Aristotle đã đưa ra trong tác phẩm “Chính trị”.

Khi nói về quyền con người, Aristotle đặc biệt quan tâm đến giáo dục và xem đó là một trong những yếu tố quyết định để đạt đến nhà nước lý tưởng - là nhà nước có thể phục vụ cho lợi ích tối cao, mang lại cuộc sống “đẹp và tốt” cho con người. Ông luôn đề cao những phẩm chất mà nhà cai

trị cần phải có để có thể dẫn dắt đám đông dân chúng hướng đến những điều tốt đẹp. Vai trò của giáo dục được khẳng định ngay từ thời cổ đại đã được chúng ta quán triệt. Đất nước đang trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng kinh tế tri thức, tiếp tục đổi mới toàn diện và chủ động, tích cực hội nhập. Trong điều kiện đó, việc giáo dục con người Việt Nam, đặc biệt là các nhà lãnh đạo, biết phát huy chủ nghĩa yêu nước truyền thống, giữ gìn bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa nhân loại, luôn là vấn đề sống còn. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định “giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu” và xem đó là một trong những nhân tố quyết định đến việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Những tư tưởng mà Aristotle đã đưa ra như đề cao pháp luật, giáo dục, nhà nước và vai trò của nó trong việc thực hiện quyền con người, cho đến nay vẫn còn có ý nghĩa to lớn đối với những quốc gia đang xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền nói riêng, mà Việt Nam chúng ta là một trong những số đó, và những quốc gia đang khát khao một nền chính trị hòa bình, ổn định và vững mạnh nói chung. Ngày nay, mọi quốc gia đều ra sức xây dựng một hệ thống pháp luật vững mạnh, thống nhất và đặt nó ở vị trí tối cao chính là sự vận dụng những tư tưởng của Aristotle. Những lý tưởng chính trị mà ông đưa ra vẫn còn là mục tiêu hướng đến của nhiều quốc gia. Cho dù ở dưới bất kỳ một chế độ nào, vào trong một thời đại nào thì những giá trị tốt đẹp của cuộc sống (đời sống đức hạnh) cùng với nó là những quyền cơ bản và

thiên liêng của con người mà Aristotle đã đưa ra vẫn luôn luôn có sức hút mạnh mẽ để loài người vươn đến. Ông đã đặt nền móng vững chắc cho một hệ thống tư tưởng và vạch ra cho thế hệ tương lai con đường đi tìm chân lý. Đó cũng chính là mối liên hệ lịch sử sâu xa giữa Aristotle và thời đại của chúng ta.

4. Kết luận

Đối với một hệ thống tư tưởng ra đời cách đây gần 2.500 năm, thì những giá trị mà Aristotle đã để lại cho nhân loại thật là đáng kính nể. Tuy nhiên trong tư tưởng của Aristotle cũng không thể tránh khỏi những hạn chế do hoàn cảnh lịch sử mang lại, nhưng nếu chúng ta biết gạt bỏ những hạn chế đó thì vẫn còn những hạt nhân hợp lý nhất định. Ông là một trong những người đầu tiên đặt những viên đá tảng để xây dựng tư tưởng nhân quyền về sau. Những tư tưởng đầu tiên về quyền con người của Aristotle đến nay vẫn còn có ý nghĩa thời sự. Hiện nay, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều ra sức thực hiện và bảo vệ quyền con người; xem đó là một trong những cơ sở để bước vào thế giới văn minh.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hồ Chí Minh (2001), *Toàn tập*, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Vương Đức Phong, Ngô Hiểu Minh (2003), *Thập đại tùng thư - 10 nhà tư tưởng lớn thế giới*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Thế Nghĩa (Chủ biên) (1999), *Đại cương lịch sử các tư tưởng và học thuyết chính trị trên thế giới*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [4] Tập thể tác giả (2001), *Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [5] Marcel Prelot, Georges Lescuyer, *Lịch sử các tư tưởng chính trị*, Tài liệu dịch của Đề tài KX 05-02, Chương trình khoa học - công nghệ KX.05.
- [6] Đinh Ngọc Thạch (1999), *Triết học Hy Lạp cổ đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] Vũ Văn Viên (1998), *Triết học Aristotle*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [8] Aristotle (1999), *The Politics*, Translated into English by Benjamin Jowett, Batoche Books, Kitchener.
- [9] Aristotle (2004), *Nicomachean Ethics*, Translated and edited by Roger Crisp, The University of Cambridge, Cambridge.